

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức:** Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (“HABECO”)
 - Mã chứng khoán/Mã thành viên:** BHN
 - Địa chỉ:** Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại liên hệ:** 024.38453843 Fax: 024.37223784
 - Email:** habeco@habeco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2025 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
 - Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2025 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày **29/10/2025** tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Trường Thắng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025
đã được soát xét



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	13 – 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/9/2025.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quản Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Giang	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/9/2025 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/9/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. 



Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

884
GT
HH
TO
/A
HỒ

Số: 01.07.2.5/25/BCTC/NVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội, được lập ngày 29/10/2025, từ trang 6 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/9/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc ngày 30/9/2025 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 30/9/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của đơn vị cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2025 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 3 năm 2024 kết thúc ngày 30/9/2024 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 28/03/2025 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo kết quả công tác soát xét ngày 29/10/2024 có kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.



Lê Hồng Đào

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 1732-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.264.370.066.779	3.725.497.391.312
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	149.412.139.690	646.361.710.800
1. Tiền	111		149.412.139.690	412.431.710.800
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	233.930.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.547.007.200.000	2.623.586.200.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.547.007.200.000	2.623.586.200.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		333.352.285.516	156.958.257.409
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	215.851.519.144	70.105.789.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.275.178.091	22.538.580.862
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	103.012.317.828	70.100.617.036
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.786.729.547)	(5.786.729.547)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	223.409.112.913	268.153.824.000
1. Hàng tồn kho	141		223.988.292.603	268.733.003.690
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(579.179.690)	(579.179.690)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.189.328.660	30.437.399.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	11.080.489.003	15.245.217.632
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	13.495.513.661
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	108.839.657	1.696.667.810
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.765.023.322.620	2.000.429.591.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		407.402.978.599	479.114.731.038
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	391.056.761.340	460.978.230.041
- Nguyên giá	222		4.014.534.531.895	4.003.091.543.009
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.623.477.770.555)	(3.542.113.312.968)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16.346.217.259	18.136.500.997
- Nguyên giá	228		82.426.739.537	76.218.623.019
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(66.080.522.278)	(58.082.122.022)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	1.633.983.658	8.607.196.604
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.633.983.658	8.607.196.604
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.268.110.007.704	1.466.651.965.211
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.122.326.153.223	1.122.326.153.223
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		131.369.420.164	131.369.420.164
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.250.000.000	36.250.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(21.835.565.683)	(23.293.608.176)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	200.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87.876.352.659	46.055.698.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	87.758.211.256	44.699.682.659
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	118.141.403	1.356.015.827
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.029.393.389.399	5.725.926.982.651

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.736.395.709.123	1.465.784.790.786
I. Nợ ngắn hạn	310		1.593.867.744.017	1.370.638.491.280
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	530.514.193.549	976.671.316.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.418.637.078	4.266.034.737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	381.113.953.139	160.423.176.280
4. Phải trả người lao động	314		79.816.446.052	82.222.325.531
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	371.606.250.603	24.320.798.895
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	280.800.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	88.863.546.697	70.312.649.109
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	35.871.896.985	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		80.382.019.914	52.422.190.297
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		142.527.965.106	95.146.299.506
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	142.527.965.106	95.146.299.506
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.292.997.680.276	4.260.142.191.865
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	4.292.997.680.276	4.260.142.191.865
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.083.800.291.522	1.083.800.291.522
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.320.527.465	11.432.027.465
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		879.876.861.289	846.909.872.878
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		523.407.620.273	478.109.356.260
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		356.469.241.016	368.800.516.618
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.029.393.389.399	5.725.926.982.651

Người lập biểu

Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3/2025	Quý 3/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.610.698.785.906	1.434.037.991.906	4.186.624.834.759	3.881.320.963.113
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16.825.654.276	308.159.820	32.449.060.477	495.730.308
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.593.873.131.630	1.433.729.832.086	4.154.175.774.282	3.880.825.232.805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.133.412.749.545	1.034.973.047.388	3.010.262.055.254	2.898.263.738.536
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		460.460.382.085	398.756.784.698	1.143.913.719.028	982.561.494.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	68.451.834.488	38.982.978.930	168.910.072.977	142.555.308.956
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(523.629.647)	(197.330.883)	2.820.882.866	5.186.172.027
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	252.431.277.939	258.746.306.845	711.473.896.015	614.053.863.168
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	50.425.254.992	59.182.004.623	177.169.404.989	161.342.473.969
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		226.579.313.289	120.008.783.043	421.359.608.135	344.534.294.061
11. Thu nhập khác	31	VI.9	5.280.766.131	4.179.339.320	13.072.204.481	11.478.780.547
12. Chi phí khác	32	VI.10	2.141.631	353.454	4.900.981	2.139.555.097
13. Lợi nhuận khác	40		5.278.624.500	4.178.985.866	13.067.303.500	9.339.225.450
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		231.857.937.789	124.187.768.909	434.426.911.635	353.873.519.511
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	41.336.311.209	24.120.649.355	76.719.796.195	70.936.214.402
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		382.253.245	362.317.324	1.237.874.424	1.086.951.972
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		190.139.373.335	99.704.802.230	356.469.241.016	281.850.353.137

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quốc Việt

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		434.426.911.635	353.873.519.511
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		89.362.857.843	135.775.633.653
- Các khoản dự phòng	03		34.413.854.492	3.563.580.648
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(164.372.831.563)	(140.979.659.522)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		393.830.792.407	352.233.074.290
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(132.244.904.889)	134.591.473.601
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		44.744.711.087	70.784.242.089
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		190.877.121.552	(134.615.393.092)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(38.893.799.968)	6.935.476.494
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.881.091.012)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.083.922.988)	(27.227.947.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		368.348.906.189	402.700.926.316
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.677.892.458)	(15.108.907.355)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	140.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.241.295.000.000)	(2.196.912.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.517.874.000.000	1.627.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135.307.050.159	103.601.055.666
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(598.791.842.299)	(480.578.942.598)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(266.506.635.000)	(543.696.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(266.506.635.000)	(543.696.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(496.949.571.110)	(78.421.712.282)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		646.361.710.800	784.624.181.965
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		149.412.139.690	706.202.469.683

Người lập biểu



Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 3 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 6 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 30/9/2025 là: 511 người (tại ngày 31/12/2024 là 515 người).

- Tại ngày 30/9/2025 Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Nghành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

- Tại ngày 30/9/2025 Tổng Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Nghành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

- Tại ngày 30/9/2025 Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Thôn Yên Nhân, xã Mê Linh, TP Hà Nội;

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

- d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
Thương hiệu	04	04
Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	149.412.139.690	412.431.710.800
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	-	233.930.000.000
Cộng	149.412.139.690	646.361.710.800

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
- Ngắn hạn	3.547.007.200.000	3.547.007.200.000	2.623.586.200.000	2.623.586.200.000	
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	3.547.007.200.000	3.547.007.200.000	2.623.586.200.000	2.623.586.200.000	
- Dài hạn	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	
Cộng	3.547.007.200.000	3.547.007.200.000	2.823.586.200.000	2.823.586.200.000	

(*) **Ghi chú:** Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đang được cầm cố tại ngân hàng đến ngày 30/09/2025 là 452.200.000 VND để bảo đảm cho việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	50.000.000.000	100,00%	50.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	30.631.673.095	55,00%	30.631.673.095
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	82.343.478.402	65,01%	82.343.478.402
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	66,31%	56.448.402.482	66,31%	56.448.402.482
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	55,00%	82.689.355.104	55,00%	82.689.355.104
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	62,05%	37.666.057.755	62,05%	37.666.057.755
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	14.487.313.191	68,95%	14.487.313.191
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	54,29%	143.696.608.717	54,29%	143.696.608.717
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	22.977.925.427	60,00%	22.977.925.427
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	8.673.477.197	52,64%	8.673.477.197
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	96,10%	223.535.805.853	96,10%	223.535.805.853
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	106.581.700.000	98,56%	106.581.700.000
Công ty CP Habeco Hải Phòng	75,83%	106.709.356.000	75,83%	106.709.356.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	53,89%	53.885.000.000	53,89%	53.885.000.000
Cộng		1.122.326.153.223		1.122.326.153.223
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		18.891.257.953		20.312.410.830
Giá trị thuần		1.103.434.895.270		1.102.013.742.393

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP Habeco Hải Phòng là 80,75%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	11.200.000.000	28,10%	11.200.000.000
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	8.304.865.190	28,00%	8.304.865.190
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	16.478.300.000	45,00%	16.478.300.000
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	27.305.100.155	40,00%	27.305.100.155
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	52.605.154.819	27,21%	52.605.154.819
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	15.476.000.000	44,22%	15.476.000.000
Cộng		131.369.420.164		131.369.420.164
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		231.349.690		268.239.306
Giá trị thuần		131.138.070.474		131.101.180.858

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

d) Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinaceglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	5,00%	3.000.000.000	5,00%	3.000.000.000
Cộng		36.250.000.000		36.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.712.958.040		2.712.958.040
Giá trị thuần		33.537.041.960		33.537.041.960

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****3. Phải thu của khách hàng**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	215.851.519.144	70.105.789.058
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	148.091.904.086	26.127.745.020
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	1.161.310.128	525.950.755
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	1.440.504	10.598.370
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	1.494.529.988	2.898.069.760
Công ty TNHH MTV thương mại HABECO Miền Trung	31.532.383.866	4.861.619.557
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	19.080.430.908	25.315.317.861
Phải thu các khách hàng khác	14.489.519.664	10.366.487.735
b) Dài hạn	-	-
Cộng	215.851.519.144	70.105.789.058

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.**4. Phải thu khác**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	103.012.317.828	70.100.617.036
Tạm ứng	2.442.900.000	-
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	73.878.676.399	53.761.740.495
Phải thu lãi cho Công ty CP Sữa Việt Mỹ vay	834.570.285	834.570.285
Cổ tức phải thu	8.948.845.500	-
Văn phòng đại diện Krones tại Hà Nội	9.182.856.480	9.182.856.480
Phải thu khác	7.724.469.164	6.321.449.776
b) Dài hạn	-	-
Cộng	103.012.317.828	70.100.617.036

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285	
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468	
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	
Các đối tượng khác	970.484.679	970.484.679	970.484.679	970.484.679	
Cộng	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	

6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng đi trên đường	-	-	257.660.000	-	
Nguyên liệu, vật liệu	80.031.043.529	-	86.511.326.171	-	
Công cụ, dụng cụ	56.657.397.338	579.179.690	59.225.311.033	579.179.690	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.446.737.610	-	37.539.699.896	-	
Thành phẩm	43.768.642.006	-	67.798.446.108	-	
Hàng hóa	3.084.472.120	-	17.400.560.482	-	
Cộng	223.988.292.603	579.179.690	268.733.003.690	579.179.690	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang

	Đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Đơn vị tính: VND	
					Cuối kỳ	
Dự án ERP	5.206.809.953	1.920.465.518	5.968.116.518	-	1.159.158.953	
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1	3.105.242.629	-	-	2.925.561.946	179.680.683	
Hội trường Tổng công ty						
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	295.144.022	-	-	-	295.144.022	
Cộng	8.607.196.604	1.920.465.518	5.968.116.518	2.925.561.946	1.633.983.658	



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
<i>Nguyên giá tài sản cố định hữu hình</i>						
Số dư đầu năm	885.955.859.831	2.967.197.960.680	46.557.667.851	92.196.580.517	11.183.474.130	4.003.091.543.009
Số tăng trong kỳ	-	8.191.997.704	1.608.151.182	1.642.840.000	-	11.442.988.886
- Mua sắm mới	-	8.191.997.704	1.608.151.182	1.642.840.000	-	11.442.988.886
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	885.955.859.831	2.975.389.958.384	48.165.819.033	93.839.420.517	11.183.474.130	4.014.534.531.895
<i>Giá trị đã hao mòn</i>						
Số dư đầu năm	666.994.101.509	2.743.792.241.239	39.390.757.651	83.273.047.287	8.663.165.282	3.542.113.312.968
Tăng trong kỳ	28.609.550.431	48.029.427.940	1.607.127.182	2.490.601.177	627.750.857	81.364.457.587
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	695.603.651.940	2.791.821.669.179	40.997.884.833	85.763.648.464	9.290.916.139	3.623.477.770.555
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình</i>						
Tại ngày đầu năm	218.961.758.322	223.405.719.441	7.166.910.200	8.923.533.230	2.520.308.848	460.978.230.041
Tại ngày cuối kỳ	190.352.207.891	183.568.289.205	7.167.934.200	8.075.772.053	1.892.557.991	391.056.761.340

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.635.902.657.313 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	75.885.859.262	76.218.623.019
Số tăng trong kỳ	-	6.208.116.518	6.208.116.518
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	82.093.975.780	82.426.739.537
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	57.749.358.265	58.082.122.022
Số tăng trong kỳ	-	7.998.400.256	7.998.400.256
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	65.747.758.521	66.080.522.278
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm	-	18.136.500.997	18.136.500.997
Tại ngày cuối kỳ	-	16.346.217.259	16.346.217.259

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.304.406.530 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	11.080.489.003	15.245.217.632
Chi phí bảo hiểm	4.283.241.938	1.487.794.079
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	2.629.483.756	2.638.983.439
Chi phí sửa chữa tài sản và phụ tùng thay thế	4.167.763.309	11.118.440.114
b) Dài hạn	87.758.211.256	44.699.682.659
Chi phí vỏ chai, kết	64.385.052.079	24.798.877.413
Chi phí tiền thuê đất, thuê kho	18.451.248.518	18.830.692.185
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	4.664.291.038	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	257.619.621	1.070.113.061
Cộng	98.838.700.259	59.944.900.291

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	118.141.403	1.356.015.827
Cộng	118.141.403	1.356.015.827

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	530.514.193.549	530.514.193.549	976.671.316.431	976.671.316.431	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	6.953.915.925	6.953.915.925	-	-	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	10.933.013.544	10.933.013.544	4.228.111.838	4.228.111.838	
Cty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	29.547.358.942	29.547.358.942	22.489.710.080	22.489.710.080	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hồng Phát	1.511.460.162	1.511.460.162	2.714.480.970	2.714.480.970	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	7.677.685.970	7.677.685.970	18.889.026.956	18.889.026.956	
Công ty CP Vận tải Habeco	2.547.695.563	2.547.695.563	8.032.445.316	8.032.445.316	
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	56.347.561.549	56.347.561.549	120.141.600.824	120.141.600.824	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	24.711.877.442	24.711.877.442	50.932.677.645	50.932.677.645	
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	34.426.467.710	34.426.467.710	58.765.756.411	58.765.756.411	
Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	7.973.017.274	7.973.017.274	14.191.151.735	14.191.151.735	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	23.030.008.234	23.030.008.234	24.620.845.645	24.620.845.645	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	8.644.638.986	8.644.638.986	13.205.957.047	13.205.957.047	
CN công ty TNHH ASIA Packaging industries (Việt nam) tại miền Bắc	26.065.568.292	26.065.568.292	-	-	
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	1.272.218.200	1.272.218.200	379.733.200	379.733.200	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	55.436.542.990	55.436.542.990	217.911.044.358	217.911.044.358	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	233.435.162.766	233.435.162.766	420.168.774.406	420.168.774.406	
b) Dài hạn	-	-	-	-	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	160.423.176.280	1.667.565.375.008	1.446.874.598.149	381.113.953.139
Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	237.242.301.752	100.914.429.909	136.327.871.843
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.052.533.063	3.052.533.063	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	105.373.895.386	1.325.477.880.775	1.266.777.757.787	164.074.018.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	53.304.293.789	76.719.796.195	60.881.091.012	69.142.998.972
Thuế thu nhập cá nhân	1.687.345.265	13.699.329.613	13.629.623.708	1.757.051.170
Thuế đất, tiền thuê đất	-	10.475.674.677	814.060.309	9.661.614.368
Thuế tài nguyên	57.641.840	821.246.960	771.817.120	107.071.680
Thuế, phí khác	-	76.611.973	33.285.241	43.326.732
b) Phải thu	1.696.667.810	2.197.208.622	609.380.469	108.839.657
Thuế đất, tiền thuê đất	1.696.550.403	1.696.550.403	-	-
Thuế, phí khác	117.407	500.658.219	609.380.469	108.839.657

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	371.606.250.603	24.320.798.895
Chi phí bán hàng, hỗ trợ bán hàng	362.912.040.149	12.397.926.135
Trích trước chi phí XD CB	1.653.409.598	9.405.340.569
Chi phí phải trả khác	7.040.800.856	2.517.532.191
b) Dài hạn	-	-
Cộng	371.606.250.603	24.320.798.895

15. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	280.800.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	280.800.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	280.800.000	-

16. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	88.863.546.697	70.312.649.109
Kinh phí công đoàn	385.154.600	343.032.628
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.191.129.466	884.040.615
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	61.723.435.284	61.660.070.284
Phải trả phải nộp khác	25.563.827.347	7.425.505.582
b) Dài hạn	142.527.965.106	95.146.299.506
Nhận ký cược chai kết	142.527.965.106	95.146.299.506
Cộng	231.391.511.803	165.458.948.615

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.**17. Dự phòng phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	35.871.896.985	-
Chi phí sửa chữa, phụ tùng thay thế	19.947.562.543	-
Dự phòng phải trả khác	15.924.334.442	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	35.871.896.985	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND					
Số dư đầu năm trước (01/01/2024)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.698.027.465	881.894.480.143	4.295.392.799.130
Lãi trong kỳ trước				281.850.353.137	281.850.353.137
Trích cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(347.700.000.000)	(347.700.000.000)
Tạm trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2022				(54.789.123.883)	(54.789.123.883)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành				(1.296.000.000)	(1.296.000.000)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(164.500.000)		(164.500.000)
Số dư cuối kỳ trước (30/9/2024)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.533.527.465	759.959.709.397	4.173.293.528.384
Số dư đầu năm nay (01/01/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.432.027.465	846.909.872.878	4.260.142.191.865
Lãi trong kỳ này				356.469.241.016	356.469.241.016
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023				(266.570.000.000)	(266.570.000.000)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023				(55.636.252.605)	(55.636.252.605)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023				(1.296.000.000)	(1.296.000.000)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(111.500.000)		(111.500.000)
Số dư cuối kỳ này (30/9/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.320.527.465	879.876.861.289	4.292.997.680.276

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)***19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	11.328,50	173.554,81
- EUR	-	3.640,62

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHỎẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hóa	1.595.569.341.438	1.421.367.494.476	4.145.992.660.760	3.844.452.211.745
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	15.129.444.468	12.670.497.430	40.632.173.999	36.868.751.368
Cộng	1.610.698.785.906	1.434.037.991.906	4.186.624.834.759	3.881.320.963.113

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Hàng bán bị trả lại	491.537.900	308.159.820	718.527.989	495.730.308
Chiết khấu thương mại	16.334.116.376	-	31.730.532.488	-
Cộng	16.825.654.276	308.159.820	32.449.060.477	495.730.308

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm, hàng hóa	1.578.743.687.162	1.421.059.334.656	4.113.543.600.283	3.843.956.481.437
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	15.129.444.468	12.670.497.430	40.632.173.999	36.868.751.368
Cộng	1.593.873.131.630	1.433.729.832.086	4.154.175.774.282	3.880.825.232.805

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Giá vốn hàng bán		Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
	Giá vốn thành phẩm	479.886.508.493	462.622.705.458	1.188.778.229.509	1.179.403.137.021
	Giá vốn hàng hóa	653.526.241.052	572.350.341.930	1.821.483.825.745	1.718.860.601.515
	Cộng	1.133.412.749.545	1.034.973.047.388	3.010.262.055.254	2.898.263.738.536
	5. Doanh thu hoạt động tài chính		Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	44.148.415.273	36.825.050.943	119.734.273.063	101.011.638.964
	Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.265.115.500	1.794.864.967	44.638.558.500	39.827.111.467
	Lãi chênh lệch tỷ giá	1.038.303.715	363.063.020	4.537.241.414	1.716.358.525
	Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	-	200.000
	Cộng	68.451.834.488	38.982.978.930	168.910.072.977	142.555.308.956
6. Chi phí tài chính		Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	926.637.717	374.141.091	4.278.925.359	1.622.591.379
	Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(1.450.267.364)	(571.471.974)	(1.458.042.493)	3.563.580.648
	Cộng	(523.629.647)	(197.330.883)	2.820.882.866	5.186.172.027

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Thu nhập khác

	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Thanh lý tài sản, CCDC	111.352.000	140.909.091	111.352.000	140.909.091
Thu phạt bồi thường	172.906.981	135.836.758	998.993.650	445.958.831
Thu từ bán bã bia	3.065.132.800	2.327.181.500	6.851.689.600	6.066.194.000
Thu hồi vỏ chai, kết	1.098.845.277	1.019.629.714	2.379.977.704	1.733.730.153
Thu nhập khác	832.529.073	555.782.257	2.730.191.527	3.091.988.472
Cộng	5.280.766.131	4.179.339.320	13.072.204.481	11.478.780.547

10. Chi phí khác

	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	2.141.631	-	4.900.981	2.138.821.444
Chi phí khác	-	353.454	-	733.653
Cộng	2.141.631	353.454	4.900.981	2.139.555.097

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:		Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	231.857.937.789	124.187.768.909	434.426.911.635	353.873.519.511
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(25.176.381.745)	(3.606.451.588)	(50.827.930.658)	(45.261.871.331)
- Các khoản điều chỉnh tăng	25.176.381.745	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	23.265.115.500	3.606.451.588	50.827.930.658	45.261.871.331
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>1.911.266.245</i>	<i>1.794.864.967</i>	<i>44.638.558.500</i>	<i>39.827.111.467</i>
+ <i>Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác</i>	<i>206.681.556.044</i>	<i>1.811.586.621</i>	<i>6.189.372.158</i>	<i>5.434.759.864</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	206.681.556.044	120.581.317.321	383.598.980.977	308.611.648.180
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	4.385.891	-	9.213.884.766
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.336.311.209	24.120.649.355	76.719.796.195	70.936.214.402

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2025 VND	Luỹ kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	360.396.986.661	333.606.189.868	900.468.260.586	853.302.572.607
Chi phí nhân công	45.973.140.764	42.947.649.376	140.192.919.293	117.271.380.514
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.916.973.058	45.083.506.346	89.362.857.843	135.775.633.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.907.901.684	302.873.518.104	854.730.389.935	733.249.825.334
Chi phí khác bằng tiền	23.154.089.370	24.180.409.318	71.544.336.468	70.485.047.892
Cộng	773.349.091.537	748.691.273.012	2.056.298.764.125	1.910.084.460.000

13. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Công ty con
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Công ty con
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Công ty con
Công ty CP ĐPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Công ty con
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết
Công ty CP Vận tải Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng
Công ty CP Bao bì Habeco
Công ty CP Bất động sản Lilama
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh
Công ty Cổ phần Vinaceglass
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Đầu tư khác
Đầu tư khác
Đầu tư khác
Đầu tư khác

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ kế toán Quý 3 năm 2025, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Thu hồi vỏ chai kết Bán hàng hóa, thành phẩm Tiền điện, nước, khác Phạt vi phạm, khác Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại Lợi nhuận được chia Cho thuê VP, kho, vật dụng quảng cáo Khuyến mãi, hỗ trợ sản lượng tiêu thụ Bán vật tư, hàng hóa Cổ tức được chia Bán quyền nhãn hiệu Cổ tức được chia Bán quyền nhãn hiệu Bán vật tư, hàng hóa Mua hàng hóa	39.261.818 2.994.626.705.510 356.294.268 8.528.000 33.735.795.760 7.000.000.000 11.778.646.860 240.412.308.420 55.176.000 2.640.000.000 872.389.440 895.050.000 187.587.736 25.080.000 108.258.219.000	40.812.727 2.796.124.266.512 334.481.000 41.248.000 148.766.460 1.794.864.967 10.949.110.472 253.623.707.193 82.764.000 2.640.000.000 932.855.616 1.491.750.000 129.724.174 12.540.000 114.723.204.400
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương			
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng			
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình			



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Bán vật tư, hàng hóa	17.725.589.006	19.848.670.312
	Bán quyền nhãn hiệu	40.159.152	20.530.195
	Điện, nước và khác	46.550.000	-
	Chi phí khác	-	30.000.000
	Hỗ trợ nhãn hiệu	50.274.000	-
	Cổ tức được chia	1.570.877.500	2.199.228.500
	Mua hàng hóa	122.915.978.080	127.025.760.150
	Bán vật tư, hàng hóa	987.801.472.701	918.992.957.575
	Chi phí hỗ trợ bán hàng	54.078.625.636	55.857.131.479
	Vật dụng quảng cáo	-	624.300.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Bán quyền nhãn hiệu	356.790.096	358.811.167
	Thu hồi vỏ chai kết	162.172.909	5.200.729
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	5.768.941.167	-
	Cho thuê kho	1.161.342.000	-
	Mua hàng hóa	60.073.035.380	62.409.356.650
	Bán vật tư, hàng hóa	11.076.487.783	11.918.647.672
	Mua nắp chai	9.094.357.000	9.758.116.500
	Cổ tức được chia	689.500.000	965.300.000
	Bán thành phẩm	1.075.065.452.450	949.665.592.700
	Hàng bán trả lại	544.080.450	572.485.900
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Cổ tức được chia	5.621.400.000	5.621.400.000
	Cho thuê mặt bằng, điện nước	2.346.478.200	2.447.857.186
	Sửa keg	665.000.000	-
	Tiền điện, nước, khác	199.066.031	-
	Bán Tháp bia	350.000.000	-
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, VDDC, thuế keg	53.972.381.808	819.720.000
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội - Quảng Ninh	Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	554.306.400
	Bán thành phẩm, hàng hóa	-	6.372.102.160
	Phạt vi phạm	125.843.636	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu NGK Hà Nội	Mua hàng hóa	289.622.079.920	264.525.953.600
	Bán vật tư, hàng hóa	102.939.505.705	92.452.157.579
	Cổ tức được chia	10.571.220.000	10.571.220.000
	Bản quyền nhãn hiệu	2.618.336.802	2.724.481.008
	Chi phí khác	-	50.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Mua hàng hóa	191.601.018.640	193.441.318.490
	Bán vật tư, hàng hóa	68.070.378.278	69.066.331.588
	Bản quyền nhãn hiệu	2.156.700	6.091.800
	Chi phí khác	-	30.000.000
	Mua hàng hóa	273.052.340.350	243.127.018.730
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	95.938.352.110	79.958.720.875
	Cho thuê thiết bị	1.550.250.000	1.550.250.000
	Cổ tức được chia	1.067.068.000	-
	Hỗ trợ nhãn hiệu	7.776.000	-
	Chi phí khác	-	30.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Bán vật tư, hàng hóa	573.078.000	472.758.000
	Cổ tức được chia	5.119.075.000	5.388.500.000
	Chi phí khác	-	100.000.000
	Bản quyền nhãn hiệu	7.178.178.510	6.440.021.269
	Mua hàng hóa	271.776.082.720	248.501.372.090
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Bán vật tư, hàng hóa	85.003.182.277	83.759.426.464
	Bản quyền nhãn hiệu	335.213.155	312.409.949
	Chi phí khác	-	50.000.000
	Cổ tức được chia	204.000.000	204.000.000
	Bản quyền nhãn hiệu	705.516.704	861.111.135
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Thuê kho, khác	739.440.000	769.440.000
	Bán vật tư, hàng hóa	62.700.000	107.844.000
	Điện, nước và khác	20.384.000	-
	Mua hàng hóa	80.953.256	36.038.429
	Mua hàng hóa	905.912.000	-
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Bán vật tư, hàng hóa	1.030.463.795	380.066.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài			



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cổ tức được chia	1.008.000.000	1.008.000.000
	Bản quyền nhãn hiệu	3.541.345.920	4.107.959.712
	Cho thuê mặt bằng	842.400.000	842.400.000
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Cước vận chuyển, bốc xếp	18.700.444.367	19.665.760.285
	Bán phế liệu	143.702.980	176.567.820
	Mua vỏ chai	1.255.824.000	1.499.170.680
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại	Cổ tức được chia	7.732.848.000	7.732.848.000
	Mua vật tư bao bì	62.281.892.136	58.545.302.052
Công ty CP Bao bì Habeco	Điện, nước và khác	55.872.000	45.040.000
	Chi phí khác	18.000.000	-
	Cổ tức được chia	309.520.000	-

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
		Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	Đầu năm
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê mặt bằng	3.404.492.044	1.392.737.580
	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê tài sản	19.080.430.908	25.315.317.861
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	Mua hàng hóa	(34.426.467.710)	(58.765.756.411)
	Cho thuê thiết bị	1.550.250.000	-
	Cổ tức được chia	1.067.068.000	-
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Mua hàng hóa	(1.272.218.200)	(379.733.200)
	Cổ tức được chia	689.500.000	-
	Mua hàng hóa	(24.578.001)	-
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Bán vật tư, hàng hóa	415.583.189	227.634.157
	Bán vật tư, hàng hóa	110.644.320	22.677.203
	Mua hàng hóa	(24.711.877.442)	(50.932.677.645)
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Bán vật tư, hàng hóa	134.025.264	19.374.371
	Bán vật tư, hàng hóa	1.666.232.591	3.012.256.852
	Mua hàng hóa	(8.644.638.986)	(13.205.957.047)

11/10/2025

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Bán vật tư, hàng hóa	1.440.504	10.598.370
	Mua hàng hóa	(23.030.008.234)	(24.620.845.645)
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Mua hàng hóa	(6.953.915.925)	-
	Bán vật tư, hàng hóa	1.494.529.988	2.898.069.760
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Mua hàng hóa	(10.933.013.544)	(31.241.102.656)
	Bán vật tư, hàng hóa	31.688.739.319	5.038.315.557
	Cổ tức được chia	1.570.877.500	-
	Nhận ký quỹ, ký cược	(8.007.932.800)	(7.738.297.200)
Công ty CP ĐTPT công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	Bán vật tư, hàng hóa	1.161.310.128	525.950.755
	Mua hàng hóa	(56.347.561.549)	(120.141.600.824)
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Nhận trước tiền hàng	(22.751.864.073)	(1.425.595.704)
	Cổ tức được chia	5.621.400.000	-
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội - Quảng Ninh	Nhận trước tiền hàng	(546.001.172)	(1.371.785.172)
	Nhận ký quỹ, ký cược	(134.015.306)	(548.072.000)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	Bán hàng hóa, thuê MB	148.091.904.086	26.127.745.020
	Nhận ký cược chai kết	(134.386.017.000)	(86.725.915.000)
	Phải trả khác	(55.436.542.990)	(217.911.044.358)
	Lợi nhuận được chia	120.945.000	-
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Bán vật tư, hàng hóa	345.186.158	147.941.875
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	74.014.016	116.024.461
	Mua hàng hóa	(268.257.984)	(166.536.240)
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Bán vật tư, hàng hóa	2.509.592.426	925.185.250
	Mua hàng hóa	(996.503.200)	-
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cước vận tải	(2.547.695.563)	(8.032.445.316)
Công ty CP Bao bì Habeco	Bán vật tư, hàng hóa	19.526.400	17.421.600
	Mua hàng hóa	(7.973.017.274)	(14.191.151.735)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán Quý 3 năm 2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Quý 3/2025 VND	Quý 3/2024 VND	Lũy kế từ đầu năm đến Cuối kỳ VND	Lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2024 VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	414.990.000	297.600.000	1.043.730.000	892.800.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	57.600.000	40.800.000	144.000.000	122.400.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	57.600.000	40.800.000	144.000.000	122.400.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	57.600.000	40.800.000	144.000.000	122.400.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	48.000.000	40.800.000	136.800.000	122.400.000
Bà Quân Lê Hà	Thành viên	48.000.000	40.800.000	136.800.000	122.400.000
Ông Trần Danh Đăng	Thành viên	48.000.000	40.800.000	136.800.000	122.400.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát					
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	321.600.000	187.200.000	734.400.000	561.600.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	80.000.000	24.000.000	144.000.000	72.000.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	48.000.000	24.000.000	120.000.000	72.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác					
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	885.995.250	268.800.000	1.423.595.250	806.400.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		3.447.891.000	1.022.400.000	5.492.691.000	3.067.200.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30/9/2025, Tổng Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh V.2). Ngoài ra, Tổng Công ty không có bất kỳ khoản vay nào tại các ngân hàng, đồng thời Tổng Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	1.513.204.924.103	142.527.965.106	1.655.732.889.209
Phải trả cho người bán	530.514.193.549	-	530.514.193.549
Chi phí phải trả	371.606.250.603	-	371.606.250.603
Các khoản phải trả khác	611.084.479.951	142.527.965.106	753.612.445.057
Số đầu năm	1.318.216.300.983	95.146.299.506	1.413.362.600.489
Phải trả cho người bán	976.671.316.431	-	976.671.316.431
Chi phí phải trả	24.320.798.895	-	24.320.798.895
Các khoản phải trả khác	317.224.185.657	95.146.299.506	412.370.485.163

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 3 năm 2024 kết thúc ngày 30/9/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Người lập biểu



Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2025

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

